

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 101/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31- 8-2020

V/v Tranh chấp:

“Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Hoa.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Bà Lê Thị Hồng Nhung.

+ Bà Lê Thị Minh Thắm.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa ông Phạm Nhật Minh– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 373/2020/TLST-HNGĐ ngày 09-6-2020 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2020/QĐXX-ST ngày 17-7-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2020/QĐPHT ngày 04-8-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2020/QĐHPT ngày 12-8-2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh Bùi Lê H, sinh năm: 1978 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã Tr, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp cho anh Bùi Lê H là luật sư Nguyễn Xuân T -Văn phòng luật sư Hoàng Anh Minh - Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2/ Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh V sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: 39/8A, đường L, phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Bùi Lê X, sinh năm: 1952 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Lê H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Thanh V tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng tháng 8/2012, không đăng ký kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống về tiền bạc, do chị V hung dữ, từ đó thường xuyên cự cãi nhau, anh chị chấm dứt quan hệ vợ chồng và sống ly thân từ đầu tháng 5/2020 cho đến nay. Nay anh yêu cầu Tòa án không công nhận giữa anh với chị Nguyễn Thị Thanh V là vợ chồng.

- Con chung: Không có

- Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cha anh là ông Bùi Lê X có cho anh cất tạm 01 căn nhà trên phần đất diện tích nhà 98 m² cất trên đất

ông Bùi Lê X đứng tên tại ấp Kinh 2B, xã P, huyện T lúc cất nhà chưa có chị V. Căn nhà là do tiền anh bỏ ra cất nhà.

- Về nợ chung: Không có.

**Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Thanh V trình bày:*

Chị với anh Bùi Lê H tìm hiểu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020, là do anh H có quan hệ với người bạn gái khác, chị có bất gặp, anh chị chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 5-2020 cho đến nay. Nay anh H yêu cầu Tòa án không công nhận giữa chị với anh H là vợ chồng chị không đồng ý.

- Con chung: Không có.

- Tài sản riêng: Vào năm 2012 chị có bỏ ra số tiền 360.000.000 đồng cất 01 căn nhà tường, mái tôn diện tích 98 m² cất trên đất Bùi Lê X đứng tên tại ấp Kinh 2B, xã P, huyện T. Chị yêu cầu anh H trả cho chị số tiền 360.000.000 đồng chị giao nhà cho anh H quản lý, nhưng chị không yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố M giải quyết mà sẽ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T-Tiền Giang giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Lê X trình bày:*

Tôi có phần đất thừa số 1885 tờ bản đồ C7 diện tích 349 m² tại ấp Kinh 2B, xã P, huyện T, do UBND huyện T cấp ngày 02-8-2003, tôi có cho H cất nhà vào năm 2012 nhà cấp 4 mái tole, nền gạch men, vách tường diện tích khoảng 98m² do H xin phép cất nhà và bỏ tiền ra cất nhà để hai cha con ở. Lúc H cất nhà tôi không thấy có mặt chị V sau 02 năm chị V mới về sống tại căn nhà đó. Chị V đã dỡ toàn bộ căn nhà vào ngày 31-5-2020 đến ngày 18-6-2020 chị V đã làm lại nhà chính, còn căn nhà phụ thì chị V chưa làm lại. Nay qua yêu cầu chị V, ông không đồng ý nhưng ông yêu cầu chị V, anh H trả đất cho ông, tài sản của chị V, anh H thì tự di dời ra khỏi đất của ông. Ông không yêu cầu Tòa án thành phố M giải quyết mà để tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết.

Luật sư bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp của anh Bùi Lê H tóm tắt và nhận nội dung vụ án dùng nhiều lời lẽ phân tích mối quan hệ giữa anh H và chị V chung sống không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Lê H về hôn nhân, còn phần tài sản các đương sự không yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố M giải quyết, Đề nghị Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ kiện khác ở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa anh Bùi Lê H và chị Nguyễn Thị Thanh V là tranh chấp “Xin ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

[2] Anh Bùi Lê H có đơn xin vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện anh H yêu cầu Tòa án không công nhận giữa anh với chị Nguyễn Thị Thanh V là vợ chồng; Con chung: Không có; Tài sản chung, nợ chung: không có

[3] Chị Nguyễn Thị Thanh V được Tòa án tố tụng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, đúng với quy định của pháp luật, nhưng chị V không đến dự phiên tòa. Hội đồng

xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng tiến hành xét xử vắng mặt chị V.

[5] Tại phiên tòa ông Bùi Lê X đồng ý việc chị Nguyễn Thị Thanh V không yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố M giải quyết tài sản của chị V, anh H trên đất của ông.

Xét các yêu cầu của các đương sự:

[1] Về hôn nhân: Xét thấy anh Bùi Lê H và chị Nguyễn Thị Thanh V tìm hiểu chung sống với nhau như vợ chồng năm 2012, không đăng ký kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống về tiền bạc và anh H quan hệ với bạn gái khác, chị V bắt gặp ghen tuông làm cho mâu thuẫn trầm trọng, từ đó anh chị thường xuyên cự cãi nhau và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 5-2020 cho đến nay. Anh H, chị V chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không tuân thủ đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên anh H yêu cầu Tòa án không công nhận giữa anh với chị V là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Lê H.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung: Anh H, chị V đều khai không có tài sản chung, nhưng chị V khai có bỏ ra số tiền 360.000.000 đồng để cất căn nhà tường, vách tường, mái tole diện tích khoảng 98m² tại thửa đất số 1885 tờ bản đồ C7 diện tích 349 m² tại ấp Kinh 2B, xã P, huyện T, do UBND huyện T cấp ngày 02-8-2003 cho ông Bùi Lê X đứng tên, chị V, anh H, ông X không yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố M giải quyết, anh H, chị V, ông X yêu cầu tách ra giải quyết bằng vụ kiện khác ở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết

[5] Lời bảo vệ của luật sư Thảo bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp cho anh Bùi Lê H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án anh Bùi Lê H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39; Khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 8; Điều 9; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 10.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Lê H

- Về hôn nhân: Tuyên bố anh Bùi Lê H và bà Nguyễn Thị Thanh V không là vợ chồng.

- Về con chung: Không có.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Bùi Lê H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh H đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai số 0001560 ngày 09-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

3/ Ông Bùi Lê X có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Bùi Lê H, chị Nguyễn Thị Thanh V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết Đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP M;
- Chi cục THA dân sự TP M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Võ Thị Ngọc Hoa